**BÀI 1: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG (11 tiết)**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**VĂN BẢN 1 : *VỀ CHÍNH CHÚNG TA***

***(Tiết 1-2)***

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

- Mục đích, quan điểm của người viết.

- Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

- Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực đặc thù**

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

– Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

– Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.

– Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

\* **Năng lực chung**

– Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm.

- Biết hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ học tập.

- Biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

**3. Phẩm chất**

– Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.

- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ: sử dụng trong dạy đọc, viết.

- Phiếu hướng dẫn đọc, phiếu viết, phiếu nói và nghe, bảng tự đánh giá và đánh giá sau khi đọc.

- Clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – cơn Giắc – sơn ở phần Khởi động

**2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Ngữ văn 10

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)**

**a. Mục tiêu:**

Huy động, kích hoạt kiến thức đã học trước đó và trải nghiệm của HS có liên quan đến mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

**b. Nội dung**

- HS xem clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – cơn Giắc – sơn để nhận ra quan điểm của tác giả về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

- Hs chia sẻ ý kiến về câu hỏi trong SGK: *Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên;* vàchia sẻ về vấn đề mối quan hệ của con người với tự nhiên.

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS xem clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – cơn Giắc – sơn để nhận ra quan điểm của tác giả về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được gợi nên từ bài hát.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (theo bàn), rút ra quan điểm của tác giả Mai – cơn Giắc – sơn về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên và chia sẻ ngắn gọn ý kiến của mình về câu hỏi trong SGK: *Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên.*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và thảo luận nhóm bàn để chia sẻ suy nghĩ của mình.

- GV quan sát, hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn (nếu có).

B3: Báo cáo thảo luận

- GV gọi 3,4 học sinh thuộc nhóm bất kì chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.

HS ghi lại các ý kiến thảo luận của các nhóm khác vào phiếu ghi chép và nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét phần thảo luận, chia sẻ của HS, ghi nhận những đóng góp tích cực và tôn trọng những ý tưởng khác biệt.

- GV có thể giới thiệu thêm một số quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên như quan niệm của Thiên chúa giáo, Phật giáo, quan điểm của Darwin trong thuyết tiến hóa… (tham khảo các thông tin trong sách giáo viên).

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (55 phút)**

**Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

\* Năng lực đặc thù

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

– Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.

– Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.

– Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

\* Năng lực chung

– Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm.

- Biết hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ học tập.

- Biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

**\* Phẩm chất**

– Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.

- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung**

- HS thực hiện yêu cầu của GV

- HS sử dụng SGK , hoàn thành Phiếu học tập

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS, phiếu học tập số 1 của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV gọi 3-4 học sinh luân phiên đọc thành tiếng văn bản. Các HS khác theo dõi bạn đọc và văn bản trong SGK; trong quá trình đọc cần chú ý các thẻ bên phải văn bản, các từ ngữ khó ở chú thích cuối mỗi trang sách, để hỗ trợ cho việc đọc hiểu.  - Yêu cầu HS xác định bố cục, thể loại của văn bản.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc nối tiếp văn bản; chú ý các thẻ đọc; tham khảo chú thích SGK để giải nghĩa những từ ngữ khó; xác định bố cục văn bản.  ***B3: Báo cáo thảo luận***  - HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong văn bản, thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận | **I.Đọc hiểu khái quát**  **1. Đọc, xác định bố cục của văn bản**  **\*Đọc, giải thích từ khó** (tham khảo phần chú thích trong sách giáo khoa)  **\* Bố cục:**  - Phần 1 (đoạn 1,2) (từ đầu đến *chúng ta cũng là một phần của thế giới ấy*): trình bày quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới.  - Phần 2 (đoạn 3-9) (từ *Chúng ta*, con người đến *ngay chính linh hồn của chúng ta cũng chỉ là một ví dụ bé nhỏ*): trình bày các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình.  - Phần 3 (đoạn 10-13) (từ *Tự nhiên là nhà của chúng ta* đến hết): kết luận.  **\* Thể loại:** Văn nghị luận |
|  | **II. Đọc – hiểu chi tiết** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn 1,2 – sgk và trả lời các câu hỏi sau:  *- Theo em, tác giả nêu hàng loạt câu hỏi ở đoạn 1 có dụng ý gì ?*  *- Câu văn nào trong đoạn 2 thể hiện quan điểm của tác giả?*  *- Nhận xét về cách đặt vấn đề của tác giả?*  GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (nhóm năm sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn) trình bày kết quả ra bảng phụ.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm.  ***B3: Báo cáo thảo luận***  - GV nêu câu hỏi, đại diện các nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học | **1. Phần 1 (đoạn 1,2): Quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới**  - Dẫn dắt: Tác giả nêu một loạt câu hỏi về vị trí, vai trò của chúng ta trong thế giới.vô tận, sinh động.  - Nêu quan điểm: “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học, và **chúng ta cũng là một phần của cái thế giới ấy**.”  => Cách đặt vấn đề gợi sự tò mò, kích thích suy nghĩ của tác giả, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc.  => Tác giả nêu quan điểm rõ ràng, ngắn gọn. Đó là quan điểm của một nhà khoa học. |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS sử dụng phiếu học tập số 1  - Chia lớp 4 nhóm, GV yêu cầu các nhóm đọc đoạn 3 - 9 (sgk), tiến hành trao đổi, thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. Yêu cầu HS sử dụng bảng phụ để ghi kết quả thảo luận của mỗi nhóm.  - GV yêu cầu 4 HS quan sát quá trình làm việc của các nhóm sau đó dùng Phiếu học tập số 3 *Rubrics đánh giá hoạt động nhóm* để đánh giá việc làm của mỗi nhóm.  **Câu hỏi 1:** *Xác định các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình.*  (**Gợi ý:** Hs đọc kĩ các đoạn văn và xác định câu chủ đề của mỗi đoạn. Từ đó xác định các luận điểm chính của tác giả được thể hiện trong văn bản.)  **Câu hỏi 2:** *Để làm sáng tỏ các luận điểm chính, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào? Những thông tin khoa học trong văn bản có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính.*  (**Gợi ý:** Hs xác định lí lẽ, bằng chứng theo từng luận điểm. Chú ý:  + Đoạn 6: Lí lẽ mà tác giả đưa ra dựa trên cơ sở nào? Lí lẽ đó có thuyết phục không? Vì sao?  + Đoạn 9: Những tri thức khoa học nào đã được đề cập đến trong văn bản? Những tri thức đó bắt nguồn từ đâu? Những tri thức đó có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính? )  **Câu hỏi 3:** *Chỉ ra và phân tích tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản*  **Câu hỏi 4:** *Tác giả đã trình bày quan điểm về mối quan hệ về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn nào, với một thái độ như thế nào?*  (**Gợi ý**:  + Đọc kĩ thông tin về tiểu sử tác giả, liên hệ thông tin này với những thông tin được trình bày trong văn bản.  + Xem lại các bằng chứng, lí lẽ của tác giả trong văn bản và xác định nguồn gốc của các bằng chứng, lí lẽ đó.  + Xác định điểm nhìn của nhân vật xưng “tôi” trong văn bản, chú ý đến những thông tin như: “ Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay”, “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học”,…)  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập  ***B3: Báo cáo thảo luận***  - HS treo bảng phụ ghi kết quả hoạt động nhóm. GV gọi đại diện 1 nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.  HS sử dụng phiếu học tập số 3 Rubric để đánh giá HS hoạt động nhóm.  ***B4: Kết luận, nhận định***  GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học | **b. Phần 2: Các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình.**  - Đoạn 3: *“Chúng ta”, con người, trước hết là những chủ thể biết quan sát thế giới này; những nhà sáng lập tập thể của bức tranh về thực tại mà tôi đã cố gắng mô tả lại”.*  - Đoạn 4: *“Nhưng chúng ta còn là một bộ phận hữu cơ của thế giới mà ta cảm nhận được; chúng ta không phải người quan sát đứng ngoài cuộc”*  *-* Đoạn 5: *Khi hiểu biết tăng lên, chúng ta đã biết rằng sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ, và là phần rất nhỏ bé trong đó.*  - Đoạn 7: *“Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới”*  - Đoạn 9: *“Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng mang tính hiện thực không kém vì là một phần của tự nhiên, vì được chia sẻ với thế giới động vật, hay vì được quyết định bởi sự tiến hoá mà loài chúng ta đã trải qua suốt hàng triệu năm”.*  **=> Các luận điểm chính:**  **1-Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ**  **2-Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới**  **3-Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.**  **\* Luận điểm 1:**  **Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ**  - **Lí lẽ:**  *+ Chúng ta là các nút trong một mạng lưới…*  + *Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử*… *các thiên hà*  **- Dẫn chứng:**  **+***Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử*”,  **+** *Chúng ta từng nghĩ rằng mình là thứ tồn tại duy nhất, một chủng loài tách biệt hẳn các động vật và thực vật, rồi phát hiện ra rằng mình là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta.*  - **Biện pháp tu từ:**  + *Chúng ta từng tin rằng mình… hoá ra không phải vậy. Chúng ta nghĩ rằng mình… rồi phát hiện ra rằng…Chúng ta…Chúng ta…*  Cách nói khẳng định để rồi phủ định, kết hợp với biện pháp điệp ngữ “*chúng ta*” nhấn mạnh đối tượng vấn đề là con người, làm rõ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, tạo nên giọng điệu mạnh mẽ, thể hiện niềm tin chắc chắn của tác giả vào quan điểm của mình.  + C*húng ta giống như đứa trẻ, khi lớn lên nhận ra rằng thế giới không chỉ vẻn vẹn là những gì ở quanh mình như nó tưởng khi còn bé*;…  Biện pháp so sánh có tác dụng:   * Tạo cho lời văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn, không khô khan mà uyển chuyển, bay bổng, giàu sức biểu cảm. * Gợi hình, gợi cảm, hình dung sự hiểu biết của con người về vũ trụ giống như hiểu biết của đứa trẻ về thế giới xung quanh nó khi còn bé   **\* Luận điểm 2:**  **Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới**  **- Lí lẽ:**  *+ Mọi vật đều không ngừng tương tác với nhau, và khi làm thế, mỗi người trong chúng ta đều mang theo cái dấu vết của cái mà ta đã tương tác và theo nghĩa ấy, mọi vật không ngừng trao đổi thông tin về nhau*  *+ Chất liệu căn bản làm nên tư duy của chúng ta là tập hợp vô cùng phong phú các thông tin được tích luỹ, trao đổi và không ngừng được xây dựng kĩ lưỡng.*  **- Bằng chứng:** *Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời, một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta… tích luỹ từ trải nghiệm của tôi.*  => Lí lẽ, dẫn chứng được đưa ra là những tri thức triết học, khoa học tự nhiên hiện đại dựa trên nền tảng của học thuyết tiến hoá, thiên văn học, di truyền học.Đó là những tri thức khách quan, được kiểm chứng bởi các nhà khoa học có uy tín, đã được chứng minh bằng khoa học hiện đại nên chúng rất đáng tin cậy, từ đó góp phần làm sáng tỏ, tăng sức thuyết phục cho luận điểm chính.  **- Yếu tố miêu tả và biện pháp tu từ:** nhờ sử dụng biện pháp miêu tả tạo nên diễn đạt giàu hình ảnh; sử dụngbiện pháp liệt kê một loạt dẫn chứng phong phú để tăng sức thuyết phục cho luận điểm.  **\* Luận điểm 3:**  **Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.**  **- Lí lẽ, dẫn chứng:** *Thực tại của chúng ta là những giọt nước mắt và nụ cười, lòng biết ơn và vị tha, sự trung thành và phản bội, là quá khứ luôn ám ảnh chúng ta và sự thanh thản. Thực tại của chúng ta được làm nên từ xã hội của chúng ta, từ cảm xúc nhờ âm nhạc đem lại, từ các mạng lưới kiến thức chung đan dệt phong phú mà chúng ta cùng nhau xây đắp…*  *-* **Biện pháp liệt kê, điệp ngữ**: “*Thực tại của chúng ta*” giúp lí lẽ, dẫn chứng phong phú, chính xác, giọng văn mạnh mẽ, thuyết phục.  \* **Nhận xét chung:**  - Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, thuyết phục làm rõ quan điểm (luận đề).  - Ngôn ngữ: các biện pháp tu từ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp cho người đọc hình dung rõ hơn về các yếu tố được nêu trong đoạn văn; giúp văn bản nghị luận trở nên uyển chuyển, xúc động, sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.  **\* Góc nhìn, thái độ của tác gỉa khi trình bày quan điểm về mối quan hệ giữa con người và thực tại:**  - Tác giả là một nhà vật lí học thiên văn -> tác giả thể hiện quan điểm về thế giới với **tư cách một nhà khoa học,** góc nhìn khoa học => vấn đề được nhìn nhận khách quan, chân thực, thuyết phục  - Tác giả còn là một nhà triết học -> tác giả thể hiện sự suy tư, cắt nghĩa về bản chất của thực tại, về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ **góc nhìn triết học** => từ đó giúp ông nhận rõ sự nhỏ bé của con người trước sự lớn lao, kì vĩ và vẻ đẹp tuyệt đối của thực tại. |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV phát vấn, HS thảo luận nhóm:  - *Đoạn 10-13 đã kết thúc vấn đề nghị luận như thế nào?*  - Câu hỏi 5: *Tác giả nghĩ gì về khả năng nhận thức thế giới của con người?*  *- Biện pháp nghệ thuật và tác dụng của chúng?*  - Câu hỏi 6: *“Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình”. Bạn nghĩ gì về nhận định của tác giả?*  Gợi ý:  + Tại sao bạn lại nghĩ như vậy?  + Lí lẽ, dẫn chứng của bạn là gì?  + Liệu những lập luận của bạn có logic và thuyết phục hay không?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  ***B3: Báo cáo thảo luận***  GV nêu câu hỏi, đại diện các nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định***  GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học | **c. Phần 3 (đoạn 10-13) (từ *Tự nhiên là nhà của chúng ta* đến hết): kết luận**  - Tác giả khẳng định và nâng cao vấn đề: *Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình”*  => Biện pháp so sánh => nhấn mạnh lại mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ giữa con người và tự nhiên, kết luận nâng cao quan điểm chính: ***Chúng ta là một phần của tự nhiên. Tự nhiên là nhà của chúng ta*** -> đó là quan điểm đúng đắn.  - Tác giả trình bày quan điểm của tác giả về khả năng nhận thức thế giới của con người: + *Ai mà biết rằng còn tồn tại bao nhiêu những điều phức tạp phi thường gì khác, dưới các dạng thức mà có lẽ chúng ta không thể hình dung nổi, trong những khoảng không vô tận của vũ trụ*  *+ Tri thức của chúng ta về thế giới không ngừng tăng lên*  *+ đại dương mênh mông những gì chưa biết, rực sáng lên vầng hào quang của sự huyền bí*  -> Biện pháp ẩn dụ => nhấn mạnh những gì chúng ta biết là rất nhỏ bé.  -> Yếu tố miêu tả giúp người đọc hình dung được vẻ đẹp kì diệu của thế giới mà ta đang sống  -> Yếu tố biểu cảm giúp bộc lộ tình yêu, sự ngưỡng mộ của tác giả đối với sự kì diệu của thực tại.  => **Quan điểm của tác giả:** thế giới mà chúng ta đang sống là mênh mông, vô hạn; những gì mà chúng ta khám phá ra là hữu hạn. Còn rất nhiều điều mà chúng ta vẫn chưa tìm hiểu hết. Nhưng trí tò mò của con người là vô hạn , vì thế, tri thức của ta không ngừng tăng lên. |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản bằng câu hỏi:  + Văn bản đề câp đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào?  + Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản thông tin này?  + Đánh giá chung về tác gỉa.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi của GV.  ***B3: Báo cáo thảo luận***  2,3 HS trả lời; các HS khác nhận xét, bổ sung.  ***B4: Kết luận, nhận định***  GV đánh giá, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  - Nội dung:  + Văn bản đã trình bày quan điểm của tác giả về mối quan hệ chặt chẽ của con người với tự nhiên, vị trí của con người trong tự nhiên; chứa đựng những suy tư mang tính chất triết học về thế giới và con người.  + Trong đó khoa học, triết học văn chương và tôn giáo đã được kết hợp một cách hài hoà, cho người đọc thấy được vẻ đẹp huyền bí của thế giới.  - Nghệ thuật:  + Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục, yếu tố miêu tả biểu cảm kết hợp.  + Ngôn ngữ chính xác mà giàu hình ảnh, biểu cảm, hấp dẫn nhờ sử dụng linh hoạt, hiệu quả các biện pháp tu từ so sánh, điệp cấu trúc, liệt kê và các yếu tố miêu tả, biểu cảm.  - Qua văn bản, tác giả thể hiện tư suy sắc bén của một nhà khoa học, nhà triết học. |
| Liên hệ và vận dụng thực tiễn  - GV hướng dẫn HS rút ra những bài học, kinh nghiệm cho bản thân bằng cách viết tiếp các gợi ý | Thế giới tự nhiên trong tôi..........  Thì ra sức hấp dẫn của văn bản thông tin là.................  Đọc văn bản về chính chúng ta  Tôi đã hiểu thêm về............................... |

**Hoạt động 3: Luyện tập (20 phút)**

**KẾT NỐI ĐỌC - VIẾT**

**a. Mục tiêu:**

- HS viết được đoạn văn nghị luận ngắn (150 chữ) trình bày về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản

- Biết thuyết trình, nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình quan điểm của người nói; Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; Đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó trên tinh thần tôn trọng người đối thoại

- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung**

Viết đoạn văn

**c. Sản phẩm**

Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Đề bài**: *Nhận thức nào từ văn bản Về chính chúng ta mà bạn muốn mang theo trong hành trâng cuộc sống của mình? Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về điều này.*  **\* Trước khi viết:**  - GV hướng dẫn HS tự đặt các câu hỏi để tìm hiểu yêu cầu của đề bài: Đề bài yêu cầu viết kiểu bài gì? Nội dung và phạm vi của bài viết như thế nào?  - HS chia sẻ quan điểm của mình về câu hỏi*: Nhận thức nào từ văn bản “Về chính chúng ta” mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình*  - GV hướng dẫn HS xác định mục đích của bài viết và người đọc bằng cách gợi ý: văn bản đặt ra rất nhiều vấn đề: mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, khả năng nhận thức của con người về thực tại và trả lời các câu hỏi:  + Bài viết của em hướng tới vấn đề gì?  + Tại sao em muốn bình luận về vấn đề này?  - GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài viết nhiều cách khác nhau. Ví dụ:  + Em hãy viết tự do tất cả những ý tưởng nảy sinh trong đầu em về vấn đề hành trang muốn mang theo trong cuộc sống từ văn bản.  + Dự định các ví dụ để minh chứng, lấy từ đâu?  + Em hãy vẽ sơ đồ tư duy để tìm ý và phát triển ý.  + Em có thể dùng bảng biểu để tìm ý và sắp xếp ý. Bảng biểu có thể như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vấn đề nghị luận: | | | | Luận điểm | Dẫn chứng | Đánh giá của em | | 1. Luận điểm 1 |  |  | | 2. Luận điểm 2… |  |  |   **-** GV hướng dẫn HS lập dàn ý: GV hướng dẫn HS sắp xếp các ý theo một trật tự để tạo thành dàn bài phù hợp cho bài viết.  **\* Viết đoạn văn:**  GV lưu ý cho HS khi viết đoạn văn nghị luận hay cần tác động đến cả lí trí và cảm xúc người đọc.  \* **Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết:**  - GV Yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết của mình và HS chỉnh sửa bài cho nhau.  - Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không…  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS hoạt động cá nhân thực hiện viết đoạn văn, kết hợp nhóm đôi  ***B3: Báo cáo thảo luận***  - GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả viết bài; và nhận xét điều chỉnh sau khi viết bao gồm cả dàn ý và bài viết hoàn chỉnh.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS sử dụng phiếu học tập số 2 – Thang đo đánh giá phần thuyết trình tranh biện của HS và Phiếu học tập số 4 – Đánh giá viết đoạn văn  ***B4: Kết luận, nhận định***  GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết.  Dựa trên phản hồi của các HS và câu hỏi hướng dẫn kiểm tra bài viết, GV đánh giá kết quả bài làm của HS và hướng dẫn HS những gì cần điều chỉnh, bổ sung. | - Nội dung:  + Giới thiệu vắn tắt thông điệp hoặc bài học mà mình lĩnh hội được khi đọc văn bản *Về chính chúng ta.*  + Trình bày ngắn gọn quan điểm của mình về thông điệp/ bài học ấy.  + Chọn lọc các lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình.  - Hình thức:  + 1 đoạn văn có độ dài khoảng 150 chữ  + Sử dụng các kiểu cấu trúc như diễn dịch, quy nạp, tổng hợp, song hành, móc xích để triển khai đoạn văn.  + Tác động đến cảm xúc bằng những từ ngữ mạnh miêu tả cảm xúc của người viết, khơi gợi ý thức, trách nhiệm của người đọc hay bằng những câu chuyện cảm động.  + Yêu cầu chính tả, ngữ pháp  3. Chỉnh sửa đoạn văn:  Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không… |

**Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a. Mục tiêu:**

HS vận dụng kĩ năng đọc văn bản nghị luận để đọc mở rộng các văn bản nghị luận khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

**b. Nội dung**

**c. Sản phẩm**

Phiếu học tập 3

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Tìm thêm các văn bản, tài liệu khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Chỉ ra quan điểm, các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình

HS sử dụng Phiếu học tập số 5 và 6

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và điền các thông tin mình thu thập được vào phiếu học tập sau giờ học

***B3: Báo cáo thảo luận***

HS chia sẻ các tài liệu mà mình thu thập được cho các bạn trong lớp và nộp lại phiếu học tập cho GV (có thể trưng bày trong bảng tin lớp hoặc trên facebook, padlet…)

***B4: Kết luận, nhận định***

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích

**PHỤ LỤC**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN TRÊN LỚP

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Hướng dẫn | Trả lời |  |
| 1 | * Tìm câu chủ đề của các đoạn văn; chú ý các đoạn 1,2,3,4,7,9 * Tìm mối liên hệ giữa các câu chủ đề * Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả |  |  |
| 2 | * Tìm các lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính; chú ý các đoạn 6,7,8,9 * Đánh giá vai trò của các lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm * Đánh giá tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng   Gợi ý:  + Đoạn 6: Lí lẽ mà tác giả đưa ra dựa trên cơ sở nào? Lí lẽ đó có thuyết phục không? Vì sao?  + Đoạn 9: Những tri thức khoa học nào đã được đề cập đến trong văn bản? Những tri thức đó bắt nguồn từ đâu? Những tri thức đó có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính? |  |  |
| 3 | Xác định và phân tích giá trị của các chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm và các biện pháp tu từ |  |  |
| 4 | * Đọc kĩ thông tin về tiểu sử tác giả, liên hệ với những thông tin được trình bày trong văn bản * Xem lại các bằng chứng, lí lẽ của tác giả trong văn bản và xác định nguồn gốc, cơ sở của những bằng chứng, lí lẽ của tác giả * Xác định điểm nhìn của nhân vật xưng tôi, các từ ngữ thể hiện thái độ, đánh giá của “tôi” với các đối tượng được nhắc tới; chú ý đến những thông tin như: “ Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay”, “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học”,…) |  |  |
| 5 | * Tìm các chi tiết cho thấy quan điểm của tác giả trong 4 đoạn cuối của văn bản * Khái quát quan điểm của tác giả được ngầm biểu hiện qua những chi tiết vừa tìm được |  |  |
| 6 | * Giải thích từ ngữ thể hiện rõ quan điểm của người viết * Đánh giá về tính khách quan, trung thực, tin cậy của nhận định * Nêu quan điểm của mình * Tìm các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình |  |  |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ đạt được | | | |
| Tốt  (4) | Khá  (3) | Trung  bình (2) | Cần điều chỉnh  (1) |
| Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục |  |  |  |  |
| Lập trường vững vàng |  |  |  |  |
| Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh) |  |  |  |  |
| Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại |  |  |  |  |
| Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại |  |  |  |  |
| Tương tác tốt với người nghe |  |  |  |  |
| Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm |  |  |  |  |
| Điệu bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp… |  |  |  |  |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HS HOẠT ĐỘNG NHÓM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Cần điều chỉnh** |
| **4 điểm** | **3 điêm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| **1. Sự tham gia** | Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp. | Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu  hết thời gian. | Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc. | Tham gia nhưn hiện những cô không liên qua |
| **2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm** | Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân. | Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản  thân. | Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm. | Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng. |
| **3. Sự hợp tác** | Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến  chung. | Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung. | Không tôn tr kiến những viên khác và hợp tác đưa ra chung. |
| **4. Sự sắp xếp thời gian** | Hoàn thành  công việc được giao đúng thời gian. thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển  công việc của nhóm. | Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm. | Không hoàn  thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm. | Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN (PHẦN LUYỆN TẬP)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Có | Không | Điểm |
| - Đảm bảo hình thức của đoạn văn nghị luận  - Đảm bảo dung lượng của bài luận (400 chữ). |  |  | 1,0 |
| - Đảm bảo nội dung của đoạn văn nghị luận:  + Xác định đúng vấn đề nghị luận  + Có lí lẽ, bằng chứng để làm rõ vấn đề |  |  | 3,0 |
| - Đảm bảo yêu cầu về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp |  |  | 0,5 |
| - Sáng tạo |  |  | 0,5 |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN Ở NHÀ (VẬN DỤNG)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TÊN VĂN BẢN | TÊN TÁC GIẢ | QUAN ĐIỂM | LUẬN ĐIỂM | LÍ LẼ | BẰNG CHỨNG |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐỌC VĂN BẢN Ở NHÀ (VẬN DỤNG)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí | Xuất hiện | Không xuất hiện |
| 1. | Đọc kĩ văn bản |  |  |
| 2. | Xác định luận đề |  |  |
| 3. | Xác định luận điểm chính (đánh dấu vào văn bản/ ghi chú ra giấy nháp) |  |  |
| 4. | Xác định lí lẽ, dẫn chứng |  |  |
| 5. | Xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm, biện pháp tu từ |  |  |

**Bài 9: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG**

**Văn bản 2: CON ĐƯỜNG KHÔNG CHỌN ( Tiết 3 - 4)**

**Rô-bớt Phờ-rót (Robert Frost)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Giúp HS:

- Biết vận dụng các tri thức đã học về thơ để chiếm lĩnh bài thơ của Rô-bớt Phờ-rót, thông qua hai bản dịch đã được giới thiệu trong SGK.

- Qua việc tìm hiểu bài thơ, HS nhận thức được sự khó khăn và tầm quan trọng của việc quyết định hướng đi cho bản thân trong cuộc sống, sự can đảm và ý thức chịu trách nhiệm trước những lựa chọn của bản thân.

- Hiểu được ý nghĩa giáo dục của bài thơ: Cần lựa chọn giá trị nào làm hành trang cho cuộc sống của mình? Việc lựa chọn này đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình trưởng thành của mỗi cá nhân.

**2. Năng lực:** Giúp HS:

**a. Năng lực chung**

Tự chủ và tự học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, sử dụng CNTT…

**b. Năng lực chuyên biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến một văn bản thơ nước ngoài mang ý nghĩa triết lý và giáo dục.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con đường không chọn.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:** Giúp HS:

**-** Trân trọng những tác phẩm văn học có giá trị giáo dục, nhân sinh lâu bền.

- Thấy được sự cần thiết của văn học đối với con người, vì từ đó, con người có thể rút ra nhiều nhận thức sâu sắc về ý nghĩa cuộc sống, biết nhìn lại mình, định vị bản thân và theo đuổi những giá trị xứng đáng.

- Sống có trách nhiệm với bản thân và những lựa chọn của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, phấn, máy chiếu

**2. Học liệu:** SGK, sách bài tập, phiếu học tập, tranh ảnh minh họa, bài làm của học sinh.....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú và sự chú ý cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Con đường không chọn.*

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tham gia một trò chơi **MẢNH GHÉP**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và bức tranh được mở ra sau những mảnh ghép.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV thông qua luật chơi với HS:

- Một bức tranh bị che đi bởi 6 mảnh ghép. Mỗi mảnh ghép là một câu hỏi liên quan đến những nội dung bài học đã được yêu cầu chuẩn bị ở nhà.

- HS giơ tay sẽ được tùy chọn 1 mảnh ghép bất kì để trả lời (mỗi câu trả lời đúng, HS sẽ được nhận một bông hoa may mắn để cộng điểm cho bài kiểm tra thường xuyên sắp tới)

**Câu 1:** Rô-bớt Phờ-rót là nhà thơ hiện đại người nước nào?

A. Anh B. Mỹ C. Pháp D. Nga

***Đáp án: B***

**Câu 2:** Thành công trong sự nghiệp thơ ca của Rô-bớt Phờ-rót được ghi nhận bằng giải thưởng gì?

***Đáp án: Giải thưởng Pu-lít-dơ***

(Giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực như báo chí, văn chương, âm nhạc... Rô-bớt Phờ-rót từng được 4 lần nhận giải)

**Câu 3:** Nhân vật trữ tình của bài thơ *Con đường không chọn* là ai? Trong hoàn cảnh nào?

***Đáp án: Nhân vật trữ là “tôi” khi đướng trước một khu rừng***

***với hai lối rẽ và không biết chọn lối nào để đi.***

**Câu 4:** Điền những từ còn thiếu vào câu sau nói về thời điểm ra đời của bài thơ *Con đường không chọn.*

*Bài thơ của Phờ-rót ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về ..... của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại ..... mình từng từ bỏ.*

***Đáp án: lựa chọn – con đường***

**Câu 5:** Bài thơ *Con đường không chọn* của Rô-bớt Phờ-rót được lấy cảm hứng từ thực tế cuộc sống nào của chính nhà thơ?

***Đáp án: Những cuộc dạo chơi trong rừng***

***cùng người bạn của ông – nhà thơ Ét-uốt Thô-mớt-xơ***

**Câu 6:** Hình ảnh trung tâm trong bài thơ *Con đường không chọn* là hình ảnh nào?

***Đáp án: Hình ảnh con đường***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS tham gia trò chơi để mở dần những mảnh ghép của bức tranh của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời từng câu hỏi GV đưa ra.

- Mở được bức tranh



**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt.

- GV dẫn dắt vào bài: Bức tranh vừa được mở ra với 6 mảnh ghép là hình ảnh một khu rừng nhỏ với hai con đường mòn hướng về hai phía khác nhau. Trong thực tế cuộc sống, mỗi chúng ta chắc cũng sẽ có một lần đứng trước hoàn cảnh đó mà chúng ta chưa biết lựa cho con đường nào để đi, để tiếp tục cuộc hành trình của mình. Và bài thơ *Con đường không chọn* của nhà thơ hiện đại người Mỹ Rô-bớt Phờ-rót là những trải nghiệm và triết lý có giá trị của con người trước những ngã rẽ như vậy.

**HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu**

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm và vấn đề xã hội đặt ra từ bài thơ.

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích của văn bản.

- Sau văn bản này học sinh được thực hành đọc 1 số văn bản khác cùng chủ đề: đoạn trích trong *“ Mãi mãi tuổi hai mươi”* (Nguyễn Văn Thạc), *“ Bài ca ngắn đi trên bãi cát”* (Cao Bá Quát)…

**b. Nội dung**

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

- Kết quả trình bày của HS một số nét cơ bản về tác giả và bài thơ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Nhiệm vụ 1.Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK để nêu những hiểu biết về tác giả Rô-bớt-phờ-rót.  ? Nêu hiểu biết về tác giả ( vị trí, ảnh hưởng...)  **Bước 2. HS suy nghĩ**  **Bước 3. HS trả lời miệng**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  **-** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **\*Nhiệm vụ 2. Đọc văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những hình ảnh.  - GV đọc mẫu một đoạn.  - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  - Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.  -GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Tổ chức trao đổi  -HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV- nhận xét cách đọc của HS.  **\*Nhiệm vụ 3. GV hướng dẫn tìm hiểu chung**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **( phiếu học tập)**  ? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?  ? Tại sao tác giả lại đặt nhan đề là *“Con đường không chọn”* chứ không phải *“Con đường tôi chọn”* hay *“Con đường ít người đi”?*  *?*Nhan đề cho thấy tác giả đặt trọng tâm vào điều gì?  ? Chia bố cục bài thơ như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **+** HS thảo luận cặp đôi  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức kĩ năng. | **1**. **Tác giả**  - (1874-1963)  - Nhà thơ Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học hiện đại.  - Ông 4 lần được nhận giải thưởng Pu-lit-dơ – giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực báo chí, văn chương, âm nhạc…  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK  **b.Tìm hiểu chung**  - Hoàn cảnh ra đời  + Sáng tác năm 1915, lấy cảm hứng từ những cuộc đi dạo trong rừng với người bạn của ông.  + Bài thơ ra đời vào thời điểmnhiều người hoài nghi về lựa chọn của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại con đường mình từng từ bỏ.  - Nhan đề *“Con đường không chọn”*  +Làm rõ tâm lí phổ biến của con người: Thường nuối tiếc về những gì mình đã không chọn, vì phần lớn những lựa chọn thực tế đều có vẻ bất toàn, không dẫn đến điều mong đợi.  +Tâm lí *“đứng núi này trông núi nọ”* khiến người ta không dốc lòng vào con đường mà mình đã chọn, cũng không đủ can đảm để làm lại, bỏ sang con đường có thể chọn nhưng cuối cùng đã không chọn.  -Bố cục: 3 phần  +Khổ 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình  +Khổ 2,3. Cách chọn đường của nhân vật trữ tình  +Khổ 4. Tâm trạng của nhân vật trữ tình |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội của VB; nêu được ý nghĩa của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

- Hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Nhiệm vụ 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Đọc thầm khổ 1 của văn bản  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm (5 phút)  ? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai và đang đứng trước tình huống nào?  ? Em đã biết những bài thơ nào nói đến hình ảnh con đường?  ? Con đường trong khổ thơ có điểm gì giống và khác so với con đường mà bài thơ khác nói đến?  ? Hình ảnh “con đường” và “lối rẽ” trong khổ thơ ẩn dụ cho điều gì?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ ( phiếu học tập)**  **-**Tổ chức cho HS thảo luận nhóm ( 3 nhóm)  Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp  -GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  -HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận:**  GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung. | **1.Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình**  - Tình huống:  +“*thân phận lữ hành”,“đứng mãi”*  +*“chỉ có thể chọn một”*  +*“nhìn theo một lối rẽ bên này”*  =>Nhân vật trữ tình đang đứng trước con đường có 2 lối rẽ, đang phải chọn một lối đi, đang băn khoăn không biết nên chọn lối đi nào.  - Hình ảnh “*con đường’* và *“lối rẽ”* là ẩn dụ về đường đời, về những khúc ngoặt mà bất cứ ai cũng có lúc phải lựa chọn. |

**\* Nhiệm vụ 2. Cách chọn con đường của nhân vật trữ tình**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết những từ ngữ miêu tả hình ảnh con đường.

- Hiểu được băn khoăn, trăn trở của nhân vật trữ tình khi đứng trước 2 con đường, 2 lối rẽ và cuối cùng đã lựa chọn 1 con đường.

- Hiểu được thông điệp vè sự lựa chọn con đường đối với bản thân mỗi con người.

**b. Nội dung:** HS làm việc nhóm, kĩ thuật mảnh ghép để tìm hiểu sự lựa chọn con đường cho mình của nhân vật trữ tình.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  -HS đọc thầm khổ 2 và 3 của văn bản.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm ( 7 phút)  ? Tìm từ ngữ miêu tả hình ảnh 02 lối rẽ trong khổ thơ.  ? Hai lối rẽ ấy khác nhau hay giống nhau nhiều hơn?  ? Vì sao nhân vật trữ tình cảm thấy khó khăn khi phải lựa chọn 1 trong 2 lối rẽ?  ? Nếu như nhân vật trữ tình không thể lựa chọn cả 2 lối rẽ cùng lúc thì anh ta có thể không lựa chọn bất cứ lối rẽ nào được chăng? Vì sao?  ? Cuối cùng nhân vật trữ tình đã đưa ra lựa chọn nào cuả mình? Anh ta có thực sự tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ ( phiếu học tập)**  **-** HS thảo luận.  - Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận**  **-** GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung. | **2. Cách chọn con đường của nhân vật trữ tình**  - Lối rẽ: *“cỏ rậm…lá rơi đầy…chưa đen vết chân ai…”.*  - Cả 2 lối rẽ đều có vẻ giống nhau và đều “*giữ bí mật*” về những gì ở phía trước.  -> Đó là tình thế khó khăn của đời sống, nhất là khi ta không thể phóng tầm mắt lên trước để xem con đường này dẫn ta tới đâu và liệu nơi đó có như ta kì vọng không?  - Tình huống nhân vật trữ tình phải đối mặt thực sự rất khó khăn vì anh ta không thể cùng lúc đi trên 2 con đường. Nhưng nếu từ bỏ sự lựa chọn thì cuộc hành trình không thể bắt đầu và anh ta chỉ mãi giậm chân tại chỗ. Đây không phải là trạng thái sống đúng nghĩa.  - Cuối cùng nhân vật trữ tình vẫn lựa chọn 1 lối đi. Nhưng anh ta không tin chắc con đường mình chọn là con đường tốt hơn con đường mình đã không chọn.  -> Đó cũng là trạng thái phân vân, băn khoăn khá phổ biến của bộ phận con người không đủ can đảm để dấn thân đến cùng trên hành trình của mình. |

**Nhiệm vụ 3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình**

**a. Mục tiêu**

- Hiểu được tâm trạng của nhân vật trữ tình sau khi đã lựa chọn 1 con đường đi.

-Tâm trạng chung của một bộ phận trên hành trình lựa chọn tương lai cho bản thân.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng của NV trữ tình sau khi đã lựa chọn cho mình con đường đi.  ? Em có đồng cảm với trạng thái do dự, phân vân của nhân vật trữ tình không? Vì sao?  ? Em đã từng lâm vào trạng thái của nhân vật trữ tình chưa?  ? Hãy nêu 1 thông điệp có ý nghĩa đối với bản thân em?  ? Làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Trả lời câu hỏi: Sự giống và khác nhau giữa các vị thần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục 3 | **3**. **Tâm trạng của nhân vật trữ tình**  - Tâm trạng: *thở dài*  -> Dù đã lựa chọn một lối đi nhưng nhân vật trữ tình vẫn do dự, băn khoăn, buồn và nuối tiếc, bởi không tin chắc con đường mình lựa chọn là tốt nhất.  -> NV tự đối diện với chính mình, giải đáp những trăn trở, thắc mắc nảy sinh từ chính lòng mình.  - NVTT cũng tự nhận ra cơ hội khám phá mình, hiểu mình.  -> Con người cần dũng cảm trải nghiệm và có lựa chọn con đường cho tương lai. |

**Nội dung3. Tổng kết**

**IV.Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB, rút ra thông điệp sâu sắc cho bản thân.

**b.Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ? Nhận xét đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ.  ? Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với em qua bài thơ này?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   **GV** hướng dẫn, theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **GV chốt: Rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thần thoại:** | **1. Nghệ thuật**  **2. Nội dung, ý nghĩa** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Con đường không chọn* đã học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, gợi ý cho HS viết một đoạn văn liên quan đến một nội dung trong bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con đường trong bài thơ *Con đường không chọn.*

- GV hướng dẫn HS chọn theo các bước: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hình ảnh con đường. Phân tích ý nghĩa tả thực để từ đó hiểu về ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con đường trong bài...

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV yêu cầu HS nào đã làm xong bài, có thể đem lên để GV nhận xét, chỉnh sửa.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV cho cả lớp nghe một số đoạn văn, yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thành nốt đoạn văn (nếu chưa viết xong).

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức đã được học trong bài để suy nghĩ về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân mỗi HS khi đang ngồi trên ghế nhà trường.

**b. Nội dung:** Dựa vào một bài báo viết về chọn nghề để HS cùng bàn luận, trao đổi và cùng định hướng con đường phía trước.

**c. Sản phẩm:** Bài viết, bài nói của HS thể hiện những quan điểm và định hướng của cá nhân mình khi mới đang là học sinh lớp 10.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu lên cho HS cùng đọc một bài báo: ***Ba lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp*** – Tiến sĩ Trần Đình Lý – báo Thanh niên, diễn đàn của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam **(**[**https://thanhnien.vn/3-loi-khuyen-lua-chon-nghe-nghiep-post546940.html**](https://thanhnien.vn/3-loi-khuyen-lua-chon-nghe-nghiep-post546940.html)**)**

- GV yêu cầu HS cùng thảo luận về nội dung bài báo và đưa ra ý kiến, định hướng của riêng mình về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc bài báo và hoàn thành các câu hỏi.

- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến cá nhân, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận

xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, góp ý cho HS.

- Định hướng cho tất cả HS trong lớp.

**HOẠT ĐỘNG 5: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

+ Nộp sản phẩm vào tiết học sau.

+ GV sử sụng rubric đánh giá

- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.

- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu về văn bản *“Một đời như kẻ tìm đường”* (trả lời câu hỏi trong SGK)

Chart, diagram

Description automatically generated

**Văn bản 3: MỘT ĐỜI NHƯ KẺ TÌM ĐƯỜNG**

***( Trích Phan Văn Trường)***

***Tiết 5 - 6***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài viết.

- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của bài viết.

– Nhận biết được quan điểm của người viết trong văn bản.

– Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

**2 . Năng lực:**

-Năng lực sáng tạo: HS trình bày suy nghĩ và cảm xúc của bản thân trước nội dung của bài viết.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong bài viết.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:**  Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như chăm chỉ, cố gắng, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Video giới thiệu về tác giả và những bài viết khác.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:**  Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:**  Câu chuyện về sự lựa chọn bản thân:

Cuộc sống là những chuỗi lựa chọn, nhiều lúc chúng ta đi trên một con đường mà chúng

ta không hề ngờ đến và rồi nói một câu hên xui may rủi: Nghề chọn mình chứ mình không

chọn nghề hoặc số nó hên nên vậy.

Hai người nông dân muốn rời xa quê để kiếm sống, một người đặt vé đi Thượng Hải, còn

một người đặt vé đi Bắc Kinh, họ ngồi chờ tàu và ngồi tâm sự với nhau về cuộc sống

quê nhà.

Nhiều người cùng quê nghe thấy cuộc trò chuyện của 2 người đàn ông lần đầu tiên rời xa

quê nhà thì đều khuyên người đặt vé đi Thượng Hải nên đổi vé đi, vì người Thượng Hải

ranh ma lắm, hỏi đường cũng phải tốn tiền còn người Bắc Kinh thấy không có ăn thì cho

đồ ăn, lạnh thì cho chăn bông, quần áo cũ.

2 người nghe vậy lẳng lặng ra quầy đổi vé và bất ngờ vì người đặt vé đi Bắc Kinh muốn

đặt vé để đi Thưởng Hải còn người đi Thượng Hải lại muốn đặt vé đi Bắc Kinh, vậy là họ

đổi vé cho nhau.

Người trước đây đi Bắc Kinh nghĩ bụng: May quá, chưa đi Bắc Kinh. Thượng Hải đế hỏi

đường cũng phải chi tiền thế thì không có việc gì mà không thể kiếm được tiền cả.

Còn người định đi Thượng Hải thì lại nghĩ: Bắc Kinh hay hơn, không kiếm được tiền cũng

không đến nỗi chết đói.

Người đi Bắc Kinh cảm thấy cuộc sống ở Bắc Kinh thật tuyệt, anh có thể ăn các món miễn

phí trong siêu thị, có thể uống nước lọc miễn phí ở vài nơi,..

Còn người đi Thượng Hải sau một thời gian sống, cảm thấy đây là một miền đất hứa đối

với mình.

Anh vận dụng kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình, ra vùng ngoại ô Thượng Hải lấy

những bao đất và trộn với lá cây và cát bán cho những người trồng cây cảnh.

Lần đầu tiên, anh kiếm được 60 NDT.

Rồi anh dần dần tiết kiệm được tiền mua được một cửa hàng nhỏ, Rồi một thời gian sau,

ông để ý rất nhiều cửa hàng sạch sẽ nhưng có bảng hiệu rất dơ bẩn, ông ngạc nhiên tìm

hiểu và biết rằng các công ty vệ sin chỉ dọn dẹp bên trong nhà hàng nhưng lại không quét

dọn các bảng hiệu.

Vậy là ông thành lập công ty chuyên lau chùi bảng hiệu, và hiện tại số nhân công làm cho

ông đã lên tới 150 người.

Sau khi đã có một tài sản nhất định, người đàn ông đi Thượng Hải quyết định bắt tàu đi

Bắc Kinh để tìm hiểu xem có cơ hội kiếm tiền từ thành phố thủ đô này không, Khi đến

Bắc Kinh, một người nhặt rác thò tay và toa giưởng mêm để xin vỏ lon nhựa, và bất ngờ

thay, người đó lại là người đổi vé với ông năm xưa.

Mỗi sự lựa chọn đều đã định trước cuộc sống sau này của bạn, nếu bạn chọn con đường

với sự ỷ lại, với suy nghĩ tiêu cực thì chắc chắn cuộc sống sau nay chẳng bao giờ khấm

khá được đâu, may ra có cô tiểu thư/ chàng nhà giàu nào để mắt tới và rước về nhưng tỷ

lệ này cũng cực kỳ nhỏ bé, may ra được 0,0001 % thôi và nếu có cưới về chắc cũng là

vợ/chồng kiêm thêm chức osin.

Đừng ỷ lại vào người khác nữa, cuộc sống là do chính bạn lựa chọn.--

-Sưu tầm-

**c) Sản phẩm:**  Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- GV: gọi 1 – 3 HS chia sẽ về những lựa chọn mình đã thực hiện trong cuộc sống và những hệ quả của những lựa chọn đó.

- GV đặt câu hỏi: Lựa chọn của chúng ta hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai.

- GV đặt câu hỏi: Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

|  |
| --- |
| - GV dẫn dắt vào bài học: “Trên đời người thú vị nhất là đến lúc mình đang tìm đường, thì con đường tự nó hiện ra trước mặt mình, làm cho mình chẳng còn chọn lựa gì nữa, phải cứ tiến lên thôi!” (Giáo sư Phan Văn Trường)  Phải khảng khái mà nói rằng, khi đọc tự truyện của những bậc tiền bối của thế hệ trước, không phải lứa cha chú mà là lứa cha chú của cha chú mình thì mới thấy được cái phông văn hóa và bối cảnh thời đại mà họ sống vĩ đại đến nhường nào. Từng câu chuyện thực tế họ chia sẻ đến những triết lý họ chiêm nghiệm khiến mình đi từ rúng động này đến rúng động khác, cả tâm can dường như bị chấn động mà khó có một tác giả Việt Nam hay nước ngoài nào ở lứa tuổi cha chú mình có thể làm được điều này, nhưng lớp thế hệ vàng trước đó lại là một đẳng cấp hoàn toàn khác. Hôm nay, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản được trích trong “ Một đời như kẻ tìm đường “ của Phan Văn Trường. Để chúng ta có thể thấu hiểu hơn về cuộc sống đã được độc giả thâu tóm được những kinh nghiệm hết sức quý báu từ một người đã sống trọn vẹn hơn 70 năm cuộc đời. |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 2: Đọc văn bản**  **a)Mục tiêu:**  Hs đọc, bước đầu cảm nhận nội dung văn bản  **b)Nội dung:**  GV yêu cầu HS đọc văn bản  **c)Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.  **d)Tổ chức thực hiện:** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV gọi 3-4 học sinh luân phiên đọc thành tiếng văn bản. Các HS khác theo dõi bạn đọc và văn bản trong SGK; trong quá trình đọc cần chú ý các thẻ bên phải văn bản, các từ ngữ khó ở chú thích cuối mỗi trang sách, để hỗ trợ cho việc đọc hiểu.  - Yêu cầu HS xác định bố cục, thể loại của văn bản.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc nối tiếp văn bản; chú ý các thẻ đọc; tham khảo chú thích SGK để giải nghĩa những từ ngữ khó; xác định bố cục văn bản.  ***B3: Báo cáo thảo luận***  - HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong văn bản, thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận | 1. Đọc văn bản  - Hs đọc  - Hs thảo luận trả lời các câu hỏi ở thẻ hướng dẫn đọc | |
| **Hoạt động 3: khám phá văn bản**  **a) Mục tiêu:**  HS nắm được cách đọc văn bản  **b) Nội dung:**  Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:**  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Hướng dẫn HS đọc**  -  **hiểu văn bản**  **\* GV**  hướng dẫn cách đọc: HS đọc to rõ.  GV đọc trước một đoạn.  **\* GV cho HS trả lời các câu hỏi ở phần đọc:**  **-**  *Mỗi lựa chọn của chúng ta ngày hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai? Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?*  *- Dựa đoán về nội dung sẽ được trình bày trong văn bản.*  *- Người viết đã nêu lên những tình huống lựa chọn nào?*  *- Chú ý những suy ngẫm, đúc rút của người viết.*  *- Chú ý cách lý giải về mối quan hệ giữa lựa chọn và số phận.*  *- Những đúc rút, suy ngẫm của người viết.*  *- Giọng điệu của người viết.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: GV phân nhiệm vụ chia nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi ở SGK.**  **Nhóm 1:**Theo bạn, mục đích của bài viết này là gì? Xác định quan điểm chính của tác giả trong bài viết này. Quan điểm ấy đã được triển khai qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng như thế nào? **Nhóm 2:** Chỉ ra các yếu tố tự sự, biểu cảm và phân tích tác dụng của chúng trong văn bản. Nhan đề của bài viết là Một đời như kẻ tìm đường. Nhưng trong bài viết, tác giả lại nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.” Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa? **Nhóm 3:** Hãy nêu một luận điểm trong bài viết trên mà bạn thấy tâm đắc hoặc còn băn khoăn. Lí do nào khiến bạn thấy luận điểm ấy thuyết phục mình hay làm bạn muốn đối thoại với tác giả? **Nhóm 4:** Từ bài thơ Con đường không chọn và bài viết Một đời như kẻ tìm đường, bạn suy nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống?  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **Nhóm 1:** Mục đích của bài viết là muốn truyền tải đến người đọc rằng trong cuộc đời có nhiều lúc chúng ta phải lựa chọn, lựa chọn đó có thể làm thay đổi cuộc sống của chúng ta hoặc là thành công, hạnh phúc hoặc thất bại, đau khổ và điều đó tùy vào chính tâm trạng của chúng ta. - Quan điểm chính của tác giả trong bài viết này là cuộc đời của chúng ta như một con đường với hàng ngàn khúc quanh, đến khúc quanh nào chúng ta cũng bắt buộc phải có những lựa chọn dù những lựa chọn đó chưa chắc đã là cuộc đời tương lai của chúng ta.  - Những lí lẽ, bằng chứng được triển khai là:  + Đầu tiên là câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời của người viết năm mười bốn tuổi, lựa chọn môn học, chương trình học và ngành nghề tương lai.  + Những lựa chọn bất đắc dĩ mà người viết phải chọn như không chọn Pháp nhưng phải đi Pháp, tốt nghiệp kĩ sư dù chưa bao giờ nghĩ tới, cũng chưa bao giờ mơ tới quyền lực nhưng lại có những vị trí quyền lực.  + Số phận và lựa chọn của người viết: làm kĩ sư cầu đường nhưng chưa bao giờ thiết kế đường, chưa bao giờ học kinh tế nhưng đã làm tư vấn về kinh tế và đã dạy kinh tế trong trường đại học, …  + Những con đường mà chúng ta chọn rồi cũng sẽ là thành công và hạnh phúc vì thành công và hạnh phúc không phụ thuộc vào con đường đã chọn mà vào tâm trạng của chính chúng ta, vào thành quả mà chúng ta gặt hái được.  **Nhóm 2:** - **Các yếu tố tự sự, miêu tả là:**  + Yếu tố tự sự là ở đoạn văn kể lại câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên của người viết năm mười bốn tuổi, ở chi tiết về các tình huống lựa chọn được đưa ra trong quá trình bàn bạc với bố mẹ.  + Yếu tố biểu cảm là ở những đoạn văn viết về suy ngẫm, đúc rút của người viết, những cảm xúc hạnh phúc, thỏa mãn của người viết khi nói về cuộc đời của mình.  - Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm là giúp cho bài viết thêm hấp dẫn hơn, giàu tính hình ảnh; người đọc có thể dễ dàng hòa vào suy nghĩ của người viết, cảm nhận được rõ hơn cảm xúc của người viết.  - Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề *Một đời như kẻ tìm đường*.  - Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người, ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình.  **Nhóm 3: - Luận điểm mà tôi thấy tâm đắc** là về những sự kì lạ trong cuộc đời người viết, phải đưa ra một quyết định những rồi như thể chẳng liên quan đến mình; tìm cách giải quyết, tìm hướng đi nhưng số phận đưa anh đến một lối đi khác.  - Lí do luận điểm ấy thuyết phục tôi vì tôi cảm thấy cuộc đời tôi lúc này cũng giống vậy, những thứ tôi lựa chọn dường như chẳng liên quan đến tôi và khi tôi tìm đường đi cho mình thì số phận đã chỉ đường cho tôi. Tôi không thích môn văn nhưng lại vào lớp chuyên văn, tôi muốn thi tiếng anh nhưng không đỗ tiếng anh.  Nhóm 4: Theo tôi, những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống có thể là quyết định từ sâu trong suy nghĩ của mình hoặc là quyết định không mong muốn, đôi khi bản thân như người vô hình trong sự lựa chọn ấy. Mỗi người luôn phải đưa ra những sự lựa chọn dẫn lối tương lai, đôi khi sự lựa chọn ấy chưa chắc đã là tương lai của bạn, số phận có thể sẽ đưa bạn đến với lối đi khác trong cuộc đời. | |
| **C. Tổng kết**  **a) Mục tiêu:**  HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ  **b) Nội dung:**  Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:**  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học \* GV**  nêu câu hỏi: | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Các yếu tố tự sự, miêu tả là:  + Yếu tố tự sự là ở đoạn văn kể lại câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên của người viết năm mười bốn tuổi, ở chi tiết về các tình huống lựa chọn được đưa ra trong quá trình bàn bạc với bố mẹ.  + Yếu tố biểu cảm là ở những đoạn văn viết về suy ngẫm, đúc rút của người viết, những cảm xúc hạnh phúc, thỏa mãn của người viết khi nói về cuộc đời của mình.  - Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm là giúp cho bài viết thêm hấp dẫn hơn, giàu tính hình ảnh; người đọc có thể dễ dàng hòa vào suy nghĩ của người viết, cảm nhận được rõ hơn cảm xúc của người viết.  **4. Ý nghĩa nhan đề**  - Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề *Một đời như kẻ tìm đường*.  - Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người, ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình. | |
| **Hoạt động 4: Kết nối đọc – viết**  **a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.  **b. Nội dung**:  HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề  **c. Sản phẩm:** Đoạn văn HS viết.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Theo bạn, thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện quan điểm của bạn về vấn đề.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:  - Xác định quan điểm của bản thân về quan điểm thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên.  - Triển khai và sắp xếp các luận điểm, lí lẽ cho quan điểm của bản thân và viết đoạn văn theo yêu cầu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.  **Đoạn văn tham khảo:**  Có người đã từng nói với tôi rằng: Bạn không thể quyết định việc mình sinh ra ở đâu nhưng bạn hoàn toàn có thể quyết định mình sống như thế nào. Đúng như ý nghĩa của câu nói trên, tương lai của bản thân sẽ do chính mình tự quyết định, tương lai thành công và hạnh phúc hay thất bại và đau khổ không phải dựa vào may rủi mà nó phụ thuộc vào chính bản thân chúng ta. Trong cuộc sống hiện tại và tương lai, chúng ta luôn phải đứng trước những ngã rẽ của cuộc đời, phải đưa ra những lựa chọn dù muốn hay không và những lựa chọn đó sẽ chính là bước đi tiếp theo của chúng ta. Để thành công trong cuộc sống, để tương lai tốt đẹp cần phải có trí tuệ sáng suốt để phân đoán, suy luận; có kĩ năng làm việc; có ý chí, nghị lực và quyết tâm cao để vượt qua mọi trở ngại, khó khăn; có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao mới tạo được niềm tin với người khác; có kĩ năng giao tiếp để nắm bắt cơ hội, để hợp tác chia sẻ trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay; có cơ sở vật chất ban đầu và có sự may mắn. Không biết đã bao nhiêu lần chúng ta buông tay từ bỏ khi mà chỉ cần một chút nỗ lực, một chút kiên trì nữa thôi là chúng ta sẽ đạt được thành công. Câu chuyện về một người thợ đã mua lại một mảnh đất hoang với giá cao vì ông tin rằng dưới lòng đất có một mỏ kim cương quý giá, ông đã bỏ nhiều công sức, tiền của và nhiều năm để đào bới mảnh đất nhưng không thu được gì. Vì quá chán nản, ông ấy đã bán lại khu đất cho một người khác mà không ngờ rằng chỉ 2 tháng sau đó, người chủ mới khu đất đã tìm thấy một mỏ kim cương khổng lồ nằm sâu trong đất. Chúng ta đôi khi cũng giống như người thợ trong câu chuyện vậy, chúng ta thiếu đi sự kiên nhẫn, thiếu nghị lực để rồi bỏ lỡ mất thành công ngay trước mắt và đổ lỗi cho sự may rủi. Sự may rủi không phải là cái quyết định thành công và hạnh phúc của chúng ta mà chính bản thân chúng ta mới là yếu tố quyết định thành công và hạnh phúc. Trong hành trình tìm kiếm tình yêu và hạnh phúc, kết quả chỉ đến với những ai biết kiên nhẫn, biết lắng nghe, biết nỗ lực và dũng cảm đương đầu với thử thách. Nếu bạn không phạm sai lầm, nghĩa là bạn còn chưa cố gắng đủ. | |

**Hướng dẫn TỰ HỌC**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

+ Nộp sản phẩm vào tiết học sau.

+ GV sử sụng rubric đánh giá

- Tìm đọc thêm các câu chuyện liên quan.

- Chuẩn bị soạn bài:..............

**\*Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

**Tiết 7: Thực hành tiếng Việt**

**SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ**

**(tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin.

- Học sinh nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ cơ bản như biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, biểu đồ thời gian, sơ đồ cây.

**2. Về phẩm chất**

Học sinh có ý thức tôn trọng trong trong làm việc nhóm và tranh luận.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**: Máy tính, máy chiếu, bảng, …

**2. Học liệu:** SGK, SGV, phiếu học tập, …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1: KHỞI ĐỘNG**

**a- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh trong học tập để các em sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b- Nội dung hoạt động:**

Thảo luận nhóm để tìm ra thông tin từ hình ảnh GV cung cấp (Phụ lục 1)

**c- Sản phẩm:** Kết quả thảo luận của HS.

- Hình 1: Ra dấu hiệu …

- Hình 2: Biểu hiện cảm xúc …

**d- Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1**: GV giao nhiệm vụ học tập

Quan sát hính ảnh và nêu ý nghĩa thông điệp qua hình ảnh?

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

**Bước 3**: Báo cáo kết quả

Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.

**Bước 4**: GV nhận xét chốt lại vấn đề và dẫn vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a- Mục tiêu:**

- HS nhận biết được một số loại biểu đồ, sơ đồ.

- HS hiểu được ý nghĩa - tác dụng của biểu đồ, sơ đồ.

**b- Nội dung hoạt động:**

- HS thực hiện yêu cầu của GV.

- HS sử dụng SGK làm bài tập 1 để hoàn thành phiếu học tập

**c- Sản phẩm:**

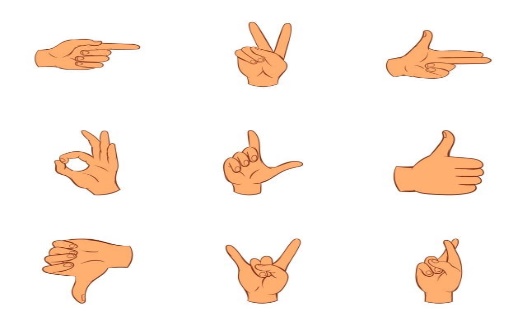
HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.

**d- Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ học tập  - Quan sát các dạng biểu đồ và sơ đồ trong sơ đồ.  - GV phát phiếu học tập (phụ lục 2) cho HS.  - Tổ chức thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  HS quan sát biểu đồ, sơ đồ.  HS thảo luận nhóm làm bài tập 1.  **Bước 3**: Báo cáo kết quả  Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến  **Bước 4**: GV nhận xét chốt lại vấn đề. | **I- Phương tiện phi ngôn ngữ:**  **II- Thực hành**  **Bài tập 1:** Kết quả thảo luận của nhóm.  - Sơ đồ cây kết hợp với biểu đồ thời gian.  - Sơ đồ cây cho thấy kế hoạch “Tôi của tương lai” trên năm phương diện: Tài chính; Sở thích; Cống hiến; Công việc; Gia đình.  - Biểu đồ thời gian cho thấy sự tiến triển cụ thể của “Tôi của tương lai” theo từng phương diện kể trên. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a- Mục tiêu:**  Vận dụng kiến thức về phương tiện phi ngôn ngữ để làm bài tập và vận dụng vào cuộc sống.  **b- Nội dung hoạt động:**  - HS thực hiện yêu cầu của GV  - Tưởng tượng về cuộc sống của bạn trong 30 – 40 năm tới bằng các phương tiện phi ngôn ngữ (bài tập 2)  **c- Sản phẩm:**  Bài làm của học sinh (tham khảo, phụ lục 3).  **d- Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ học tập  HS làm bài tập 2 dưới hình thức bài làm cá nhân.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  HS dựa vào phần gợi ý trong SGK và suy nghĩ làm bài.  **Bước 3**: Báo cáo kết quả  HS trình bày bài làm.  **Bước 4**: GV nhận xét chốt lại vấn đề. | - Xác định các thông tin cần trình bày.  - Xác định loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp để biểu đạt thông tin.  - Sử dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, …để cụ thể hóa, trực quan hóa các thông tin.  Tham khảo phụ lục 3. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a- Mục tiêu:**  - Giúp HS biết kết nối nội dung của phàn đọc với nội dung phần thực hành.  - HS nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ, sơ đồ.  **b- Nội dung hoạt động:**  - HS thực hiện yêu cầu của GV.  - Thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ cho phù hợp với nội dung thông tin trong bài tập 3.  - Các dạng biểu đồ, sơ đồ cơ bản: Biểu đồ tròn; Biểu đồ thời gian  Sơ đồ Veen; Sơ đồ cây.  **c- Sản phẩm:**  Bài làm của HS (tham khảo phụ lục 4)  **d- Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ học tập  HS thảo luận nhóm làm bài tập số 3.  Yêu cầu HS dựa vào thông tin trong đoạn trích để thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ phù hợp.  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ  HS thảo luận nhóm làm hoàn thành bài tập 3.  **Bước 3**: Báo cáo kết quả  Đại diện nhóm trình bày bài thảo luận.  **Bước 4**: GV nhận xét chốt lại vấn đề. | - Xác định mục đích giao tiếp.  - Lựa chọn các thông tin cần trực quan hóa thành sơ đồ.  - Lựa chọn loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp.  - Bài làm của HS.  (Tham khảo phụ lục 4) |

**Phụ lục 1:** Quan sát hính ảnh và nêu ý nghĩa của thông điệp qua hình ảnh.





**Hình 2**

**Hình 1**

**Phụ lục 2:** Kể tên sơ đồ, biểu đồ và tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ trong BT 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Sơ đồ** | **Biểu đồ** |
| **Tên** |  |  |
| **Tác dụng** |  |  |

**Phụ lục 3:** Tham khảo- Cuộc sống của tôi trong 30 – 40 năm tới (BT 2)

Diagram

Description automatically generated

A screenshot of a phone

Description automatically generated with low confidence**Phụ lục 4:** Tham khảo thêm về bài tập 3

  
**Các dạng biểu đồ, sơ đồ**

Chart, pie chart

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

Chart, diagram

Description automatically generated

**Phụ lục 5: Rubic đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 - 4 điểm)** | **LÀM TỐT**  **(5 - 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 - 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày không cẩn thận | **2 điểm**  Bài làm đẩy đủ.  Trình bày được  Kết cấu hợp lí | **3 điểm**  Bài làm đầy đủ  Trình bày đẹp  Kết cấu hợp lí. |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 - 4 điểm** | **5 - 6 điểm** | **7 điểm** |

**PHẦN 3: VIẾT**

*VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN*

**Thời gian thực hiện: Tiết 8 - 9**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức:**

- HS biết cách trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc bằng những trải nghiệm có thực của mình.

2**.Về kĩ năng**

- HS viết được một bài luận về bản thân đáp ứng được các yêu cầu: có quan điểm rõ ràng, thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu của mình, sử dụng bằng chứng là những trải nghiệm có thực, sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm và tự sự.

**3.Về phẩm chất**

- HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, máy tính, máy chiếu,

**2. Học liệu**: phiếu học tập, tư liệu tham khảo

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu:**

* HS hiểu được các yêu cầu của kiểu bài viết bài luận về bản thân
* HS hiểu được ứng dụng của bài luận về bản thân trong các tình huống giao tiếp đời sống

1. **Nội dung**

- Thảo luận: Một bài luận về bản thân tốt cần đáp ứng những yêu cầu gì? Những yêu cầu này khác gì với yêu cầu cần đạt trong một bài nghị luận về một vấn đề xã hội?

**c. Sản phẩm**

- Sơ đồ so sánh yêu cầu cần đạt của bài nghị luận về bản thân và bài nghị luận về một vấn đề đời sống

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1:*** Giao nhiệm vụ học tập: Đọc phần giới thiệu kiểu bài và yêu cầu cần đạt ở trang 113, so sánh với yêu cầu cần đạt và bối cảnh sử dụng của bài nghị luận về vấn đề xã hội  ***Bước 2:*** HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ Vene để so sánh yêu cầu cần đạt của hai kiểu bài  ***Bước 3*:** HS trình bày kết quả làm việc của mình  Trải nghiệm có thực của người viết, mang tính cá thể hóa  Thuyết phục,  Chặt chẽ  Trải nghiệm từ xã hội, mang tính khách quan  ***Bước 4*:** Giáo viên kết luận: điểm khác biệt quan trọng nhất của bài luận về bản thân so với bài nghị luận về vấn đề xã hội là những bằng chứng được sử dụng trong bài viết là những trải nghiệm có thực của người viết, bài viết thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của người viết.  Bài luận về bản thân  Nghị luận về một vấn đề xã hội | 1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài |

**Hoạt động 2: Luyện viết**

**1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu**

* HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của bài luận về bản thân

1. **Nội dung**

Phân tích bài viết tham khảo

1. **Sản phẩm**

Phiếu trả lời câu hỏi

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi:  + Phần mở đầu bài luận có những thông tin gì? Quan điểm của người viết được trình bày dưới hình thức nào?  + Thông điệp chính của bài viết là gì? Thông điệp đó được trình bày dưới hình thức nào? + Những trải nghiệm của người viết được trình bày theo trật tự nào? Chúng có tác dụng gì?  + Những suy ngẫm, bàn luận, cảm xúc của tác giả được đặt ở vị trí nào trong bài viết? Những thông tin này tác động thế nào tới độc giả?  + Giọng điệu của tác giả trong bài viết là gì? Giọng điệu đó được tạo nên bằng cách nào?  ***Bước 2***: HS đọc bài viết và trả lời câu hỏi  ***Bước 3:*** HS trình bày kết quả làm việc của mình  ***Bước 4:*** Giáo viên kết luận: | **2.1. Đọc bài viết tham khảo**  **1. Phần mở đầu:**  + Nêu trích dẫn--> thu hút sự chú ý của người đọc  + Thể hiện quan điểm: Hãy luôn sống cống hiến, sống hết mình như thể cuộc sống không còn ngày mai   1. **Bài viết đã trình bày thông điệp chính bằng cách nào:**   + Sử dụng yếu tố tự sự để nói về trải nghiệm của bản thân🡪 tăng tính chân thực🡪 tạo tính hấp dẫn thu hút người đọc  + Sử dụng yếu tố biểu cảm: nêu những cảm xúc của người viết thông qua trải nghiệm 🡪 tăng tính thuyết phục cho quan điểm của người viết  + Dùng những suy ngẫm, bàn luận về trải nghiệm của bản thân để nêu lên thông điệp của mình  + Người viết thông qua trải nghiệm của bản thân đã tác động vào nhận thức, tình cảm của người đọc và từ đó kêu gọi họ hành động: Hãy can đảm sống theo sự mách bảo của trái tim và trực giác.  + Giọng điệu: dí dỏm, hài hước  **3. Cấu trúc của Bài luận về bản thân thường có cấu trúc 3 phần:**  + Phần mở đầu thể hiện quan điểm riêng của người viết và thông điệp chính của văn bản.  +Phần thân bài thể hiện những suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những trải nghiệm có thực của mình.  + Phần kết bài nhắc lại thông điệp chính hoặc kêu gọi hành động. |

**2. Thực hành viết**

**a. Mục tiêu:**

* HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết một bài luận về bản thân
* HS thực hành các bước để viết bài luận về bản thân dựa trên hướng dẫn của GV

1. **Nội dung**

Thực hành viết theo các bước

1. **Sản phẩm**

Phiếu hướng dẫn viết

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: Thực hành viết một bài luận về bản thân để xin học bổng một trường Đại học ở nước ngoài dựa trên các hướng dẫn trong phiếu học tập số 1.  ***Bước 2****:* HS đọc phần thực hành viết trong SGK, thảo luận nhóm để thực hiện các bước theo hướng dẫn và điền kết quả thảo luận nhóm vào PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT.  ***Bước 3:*** HS chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm. Các HS khác nhận xét, bổ sung  ***Bước 4:***Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, làm mẫu cách triển khai một bài viết cụ thể, chốt lại các vấn đề cần lưu ý khi viết một bài luận về bản thân | **2.2. Thực hành viết theo các bước**  **- Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài Thực hiện các bước**  **B1. Chuẩn bị viết**   * **Hoàn thiện Phiếu hướng dẫn viết**   **B2. Tìm ý, lập dàn ý**   * **Thiết kế dưới dạng sơ đồ**   **B3. Viết bài**  **B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện**  **- Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)** |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| HƯỚNG DẪN | THỰC HÀNH |
| 1. Xác định ý tưởng và thông điệp chính |  |
| 2.Xác định các luận điểm chính để làm rõ thông điệp |  |
| 3.Lựa chọn bằng chứng là các trải nghiệm có thực của bản thân |  |
| 4.Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic |  |

**Hoạt động 3: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:**

* HS viết được đoạn văn nghị luận ngắn (150 chữ) trình bày về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản, hoặc xem video

1. **Nội dung**

* Viết đoạn văn

1. **Sản phẩm**

Bài viết của HS

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1*:** GV nêu nhiệm vụ: viết một bài luận về bản thân để chia sẻ một bài học mà bạn đã lĩnh hội được trong cuộc sống. Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.  ***Bước 2*:** HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.  ***Bước 3****:* GV thu lại một số bài viết của HS, đọc trước cả lớp và cho HS nhận xét về các bài viết  ***Bước 4*:** GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết. | 1. **Viết bài luận về bản thân**  * Hs viết bài   + Lựa chọn văn phong phù hợp  + Có sử dụng kết hợp các PTBĐ, các phương tiện phi ngôn ngữ, các BPTT để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn của bài viết   * GV dùng Bảng kiểm hướng dẫn Hs đánh giá lẫn nhau * Hs trao đổi, thảo luận * HS chỉnh sửa bài viết theo góp ý |
|  |  |

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: viết về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản, hoặc xem video |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các phương tiện phi ngôn ngữ linh hoạt, hấp dẫn |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc mang cá tính riêng, hấp dẫn; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Tiết 10: TRẢ BÀI VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN (tiếp)**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* HS khắc sâu được cấu trúc, đặc trưng của một bài luận về bản thân

**2. Về kĩ năng**

* HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá bài viết của bạn
* HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài

**3. Về phẩm chất**

* HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu**: phiếu học tập, tư liệu tham khảo

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu**

HS khắc sâu cấu trúc, đặc trưng của kiểu bài viết luận về bản thân

1. **Nội dung**

Tái hiện kiến thức về kiểu bài

1. **Sản phẩm**

Phiếu bài tập số 1

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1:*** Giao nhiệm vụ học tập: Dựa vào những kiến thức đã học và thực hành ở 2 tiết trước, hoàn thành phiếu học tập.  ***Bước 2:*** HS thực hành làm phiếu bài tập  ***Bước 3*:** HS trình bày kết quả làm việc của mình  ***Bước 4*:** Giáo viên nhận xét, kết luận |  |

**Hoạt động 2: Trả bài**

**Nội dung 1: Đọc nhận xét, đánh giá chung**

1. **Mục tiêu**

Phát hiện được những ưu, nhược điểm của bài làm qua nghe đọc

Thống nhất tiêu chí nhận xét, đánh giá bài làm

1. **Nội dung**

Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

1. **Sản phẩm**

Bảng đánh giá

1. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: Lựa chọn và đọc to một bài viết của HS, yêu cầu cả lớp cùng hoàn thành phiếu đánh giá thông qua hình thức giơ tay biểu quyết, rút ra những tiêu chí đánh giá bài làm

***Bước 2***: HS đọc bài viết và cùng hoàn thành phiếu

***Bước 3:*** HS trình bày kết quả làm việc của mình

***Bước 4:*** Giáo viên kết luận và

thống nhất tiêu chí đánh giá:

* Đảm bảo cấu trúc
* Xác định đúng ý tưởng, mục đích
* Xác định được luận điểm, trải nghiệm thực tế
* Cách sắp xếp luận điểm, lí lẽ hợp lí, đảm bảo tính liên kết
* Yêu cầu về sử dụng từ ngữ, ngữ pháp, chính tả

Khuyến khích sáng tạo, biết kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm

**Nội dung 2. Học sinh trao đổi chéo, đánh giá bài viết của bạn**

1. **Mục tiêu**

Nhận xét, đánh giá được bài viết của bạn.

1. **Nội dung**

Đọc, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn

1. **Sản phẩm:** Bảng đánh giá
2. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: Trao đổi bài với bạn cùng bàn, hoàn thành phiếu đánh giá theo các tiêu chí đã thống nhất

***Bước 2****:* HS đọc, thực hành hoàn thành phiếu đánh giá

***Bước 3:*** Một vài HS trực tiếp trình bày bài nhận xét của bạn theo các tiêu chí.

***Bước 4:***Gv nhận xét phần trình bày, phần nhận xét, đánh giá của HS đối với bài làm của bạn, từ đó nhận xét những ưu, nhược điểm chung, rút kinh nghiệm bài học khi thực hành viết bài luận về bản thân.

**Hoạt động 3: Đọc lại, sửa chữa bài viết của bản thân**

1. **Mục tiêu**

Nhận thấy được ưu, nhược điểm của bài viết

Sửa chữa, khắc phục được những lỗi sai

1. **Nội dung**

Đọc bài, chữa bài viết

1. **Sản phẩm:** Phiếu tự nhận xét đánh giá
2. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1*:** GV nêu nhiệm vụ: Đọc lại bài viết và tự đánh giá bằng cách hoàn thành phiếu tự nhận xét, đánh giá

***Bước 2*:** HS thực hành

***Bước 3:*** GV thu lại một số phiếu học tập bất kì kiểm tra

***Bước 4*:** GV nhấn mạnh lại một lần nữa những lưu ý khi làm bài luận về bản thân.

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1**

Học sinh hoàn thành phiếu bài tập bằng cách điền các cụm từ cho trước vào các ô còn trống: *kêu gọi hành động*, *quan điểm, trải nghiệm thực tế cá nhân, thông điệp, suy nghĩ cá nhân, nhắc lại thông điệp, bài học.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc** | **Nội dung** |
| 1. Mở bài |  |
| 1. Thân bài |  |
| 1. Kết bài |  |

**BẢNG ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT LUẬN VỀ BẢN THÂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Tốt** | **Bình thường** | **Chưa tốt** |
| **1** | Đảm bảo cấu trúc bài văn: mở bài, thân bài, kết bài |  |  |  |
| **2** | Xác định đúng ý tưởng, mục đích: Giới thiệu bản thân để xin học bổng |  |  |  |
| **3** | Xác định được hệ thống luận điểm làm rõ thông điệp |  |  |  |
| **4** | Lựa chọn được những dẫn chứng, những trải nghiệm thực tế của bản thân |  |  |  |
| **5** | Bài làm có tính liên kết, trật tự sắp xếp luận điểm hợp lí, lựa chọn thao tác lập luận phù hợp |  |  |  |
| **6** | Bài viết đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |  |
| **7** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; sự đan xen các yếu tố tự sự, biểu cảm… |  |  |  |

**PHIẾU TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ưu điểm cần phát huy** | **Nhược điểm cần khắc phục** |
|  |  |

**GV: ĐỖ THỊ MAI – THPT NGHĨA DÂN**

BÀI 9: TIẾT 11

NÓI VÀ NGHE: *THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VÀ PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ*

**I.MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức:**

* HS hiểu được cấu trúc một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội
* HS hiểu được vai trò, tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong thuyết trình

**2.Về kĩ năng**

* HS biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề dưới hình thức thuyết trình
* HS biết sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lý, hiệu quả
* HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh biện xoay xung quanh vấn đề thuyết trình

**3.Về phẩm chất**

* HS có ý thức tôn trọng trong thảo luận, tranh biện

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu:**

**-** HS nêu được các yếu tố của bài thuyết trình

**-**Hs nêu lên được hiệu quả của yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong bài thuyết trình được nghe

**b. Nội dung**

**- Hs theo dõi 1 bài thuyết trình của một diễn giả (video:** [**https://www.youtube.com/watch?v=VyGxue5QEUM-**](https://www.youtube.com/watch?v=VyGxue5QEUM-) **Bệnh vô cảm)**

**c. Sản phẩm**

**- Viết cảm nhận, trao đổi thảo luận**

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hs xem video và thực hiện các yêu cầu của giáo viên

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video: Bệnh vô cảm trong xã hội của chúng ta

B3: Báo cáo thảo luận: Hs trao đổi về hiệu quả của các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng

B4: Kết luận, nhận định: Để tăng tính thuyết phục của bài văn nghị luận cần sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ như: Bảng, biểu đồ

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1. Chuẩn bị nói và nghe**

1. **Mục tiêu:**

* HS nêu được tiến trình, các thao tác triển khai một bài thuyết trình về vấn đề xã hội

1. **Nội dung**

Tóm tắt những thao tác chính để triển khai một bài thuyết trình

1. **Sản phẩm**

Phiếu ghi chép

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động GV –HS | Dự kiến sản phẩm |
| ***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: đọc phần hướng dẫn trong SGK, tóm tắt các thông tin quan trọng nhất, so sánh với cách triển khai các hoạt động nói khác  ***Bước 2***: HS đọc SGK và tóm tắt thông tin  ***Bước 3:*** HS trình bày kết quả làm việc của mình  ***Bước 4:*** Giáo viên kết luận: các thao tác chính trong một bài thuyết trình về bản thân |  |

|  |
| --- |
|  |

**Nội dung 2. Thực hành nói và nghe**

1. **Mục tiêu:**

* HS áp dụng các kiến thức đã biết ở hoạt động trên vào xây dựng một bài thuyết trình

1. **Nội dung**

HS thuyết trình về một vẫn đề xã hội có sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ

1. **Sản phẩm**

- Các sản phẩm thuyết trình của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động GV –HS | Dự kiến sản phẩm | |
| ***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình   * ATGT và giới trẻ trong xã hội ngày nay * Ứng xử với các di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống ở địa phương nơi bạn sinh sống   ***Bước 2****:* HS làm việc nhóm, lựa chọn vấn đề thuyết trình, xây dựng bài thuyết trình theo các hướng dẫn đã học ở phần trên  ***Bước 3:*** Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một vấn đề xã hội mà nhóm mình đã lựa chọn. Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu học tập số 1.  ***Bước 4:***Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ | 1. Thực hành nói:  * Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu – triển khai – kết luận * Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ  1. Thực hành nghe  * Theo dõi, lĩnh hội thông tin: Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ * Chuẩn bị ý kiến và quan điểm để trao đổi | |
|  | |

**Nội dung 3. Trao đổi, thảo luận**

1. **Mục tiêu**

- HS đánh giá được sản phẩm của người khác:

- Biết cách sử dụng có hiệu quả yếu tố phi ngôn ngữ trong thuyết trình

**b. Nội dung**

- Hs trao đổi thảo luận

**c. Sản phẩm**

**-** Phiếu đánh giá sản phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động GV –HS | Dự kiến sản phẩm |
| ***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ: Đánh giá sản phẩm chéo nhóm theo phiếu đánh giá  ***Bước 2****:* HS làm việc nhóm, đánh giá, cho điểm  ***Bước 3:*** Nhận xét, trao đổi, thảo luận  ***Bước 4:***Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ | * Các Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm |

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng (sgk)**

1. **Mục tiêu**

**-** Hs lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân

**b. Nội dung**

- Viết tham luận tham gia hội thảo về định hướng nghề nghiệp

1. **Sản phẩm**

- Các văn bản tham luận

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1*:** GV nêu nhiệm vụ: tổ chức một hội thảo về định hướng nghề nghiệp. GV chia nhóm, phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề cụ thể như sau:

* *Những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông*
* *Các xu hướng nghề nghiệp của tương lai: những nghề triển vọng và những nghề có nguy cơ biến mất*
* *Những kĩ năng cần có để thích ứng với mọi nghề nghiệp*
* *Kĩ thuật số và trí tuệ nhân tạo có ảnh hưởng như thế nào đến xu thế nghề nghiệp*

***Bước 2*:** HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

***Bước 3****:* GV tổ chức buổi hội thảo trên lớp, trong giờ hoạt động ngoại khóa hoặc trên môi trường kĩ thuật số

***Bước 4*:** GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được sau buổi hội thảo, lưu ý những kĩ năng quan trọng cần lưu ý.

**Phụ lục:**

1. Phiếu đánh giá sản phẩm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1 | **Lựa chọn vấn đề có ý nghĩa, hứng thú, hấp dẫn** |  |  |
| 2 | **Có đủ 3 phần: Mở đầu, triển khai, kết luận** |  |  |
| 3 | **Thông tin và quan điểm về vẫn đề được trình bày rõ ràng, sinh động** |  |  |
| 4 | **Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hiệu quả: Kết hợp hài hòa và phù hợp với tính chất vấn đề cần trình bày** |  |  |
| 5 | **Phong thái trình bày tự tin, có tương tác khi trình bày** |  |  |
| 6 | **Có tinh thần cầu thị, cởi mở sẵn sàng tiếp nhận và đối thoại với các quan điểm khác nhau về vấn đề trình bày** |  |  |